

Sự cần thiết của quỹ dự phòng nghiệp vụ trong các công ty bảo hiểm nhân thọ

BHNT là sự cam kết giữa công ty bảo hiểm và người tham gia bảo hiểm, trong đó công ty bảo hiểm sẽ trả cho chủ hợp đồng (hoặc người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm) một số tiền nhất định khi có những sự kiện đã định trước xảy ra (người được bảo hiểm bị tử vong hoặc sống đến một thời điểm nhất định), còn chủ hợp đồng phải nộp phí bảo hiểm đầy đủ, đúng hạn. Để có thể thực hiện được cam kết trả tiền khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, các công ty bảo hiểm nhân thọ trong quá trình hoạt động phải trích lập đầy đủ các quỹ dự phòng nghiệp vụ theo qui định.

Đặc điểm của các hợp đồng BHNT là thời hạn dài (tối thiểu là 5 năm), phí bảo hiểm thường được thu san bằng hàng năm trong suốt thời hạn của hợp đồng. Số phí bảo hiểm thu hàng năm được công ty BHNT tích lũy lại và đưa vào đầu tư ngay với lãi suất đầu tư thực tế tối thiểu phải đạt mức lãi suất kỹ thuật khi tính phí. Theo thời gian số phí tích lũy sẽ tăng trưởng và đạt đúng giá trị cần thiết để trả cho các chủ hợp đồng và đây chính là dự phòng toán học của các hợp đồng BHNT (sinh kỳ). Trong trường hợp lãi suất đầu tư thực tế lớn hơn lãi suất kỹ thuật khi tính phí thì phần chênh lệch này sẽ hình thành nên dự phòng chia lãi của các hợp đồng BHNT. Đây là hai loại quỹ dự phòng chủ yếu trong tổng dự phòng nghiệp vụ của các công ty BHNT vì nó tác động rất lớn đến khả năng chi trả của các công ty BHNT. Vì vậy nhằm bảo vệ quyền lợi cho người tham gia bảo hiểm cũng chính là bảo vệ sự phát triển bền vững và ổn định của thị trường bảo hiểm nhân thọ, Chính phủ các nước bao giờ cũng đưa ra những qui định rất chặt chẽ trong việc trích lập dự phòng nghiệp vụ các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và yêu cầu các công ty bảo hiểm nhân thọ phải tuân thủ theo những qui định này.

Cơ sở pháp lý cho việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ ở VN

Ở VN, trong từng giai đoạn phát triển của thị trường, Chính phủ đã đưa ra những qui định về trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ thông qua các văn bản sau đây:

- Theo Thông tư 45/TT-BTC ban hành 30.5.1994, qui định về chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm thì dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ chỉ bao gồm dự phòng phí đó là phần phí tiết kiệm nhằm tích lũy lại để lập số dư tiền gửi cho người được bảo hiểm. Cách tính dự phòng phí được áp dụng theo các phương pháp toán học phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Theo Thông tư 72/TT-BTC ban hành 28.8.2001, hướng dẫn thực hiện Nghị định 43 của Chính phủ qui định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm qui định dự phòng nghiệp vụ của bảo hiểm nhân thọ bao gồm: quỹ dự phòng toán học (bao gồm dự phòng phí thuần và dự phòng phí toàn phần), dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng bồi thường, dự phòng chia lãi và dự phòng bảo đảm cân đối, trong đó:

Dự phòng toán học là khoản chênh lệch giữa giá trị hiện tại của số tiền bảo hiểm và giá trị hiện tại của phí bảo hiểm sẽ thu được trong tương lai, được sử dụng để trả tiền bảo hiểm đối với những trách nhiệm đã cam kết khi xảy ra sự kiện bảo hiểm. Dự phòng toán học (dự phòng phí thuần) được tính theo nguyên tắc sau:

Một số vấn đề về qui định trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ ở VN

Thạc sĩ HỒ THỦY TIÊN



Dự phòng
phí
thuần

= Giá trị hiện tại của tổng trách
nhiệm bảo hiểm sẽ phải trả trong
tương lai

- Giá trị hiện tại của tổng số phí
bảo hiểm thuần sẽ thu trong
tương lai

Dự phòng phí chưa được hưởng được áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có thời hạn dưới một năm, được sử dụng để trả tiền bảo hiểm sẽ phát sinh trong thời gian còn hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm trong năm tiếp theo. Dự phòng này chỉ áp dụng đối với hợp đồng đóng phí định kỳ và được tính theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng} = \text{Phí định kỳ} \times \frac{\text{Thời gian còn lại của định kỳ nộp phí}}{\text{Tổng thời gian của định kỳ nộp phí}}$$

Dự phòng bồi thường được sử dụng để trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết, được trích lập theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã khiếu nại doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.

Dự phòng chia lãi được sử dụng để trả lãi mà doanh nghiệp

bảo hiểm đã thỏa thuận với bên mua bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm, chỉ áp dụng đối với những hợp đồng có lãi chia được tích lũy qua các năm hợp đồng bảo hiểm và được tính theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng chia lãi} = \text{Tổng lãi chia cho chủ hợp đồng trong năm tài chính} + \text{Giá trị tích lũy của lãi đã chia cho chủ hợp đồng trong các năm tài chính trước nhưng chưa chi trả}$$

Dự phòng bảo đảm cân đối được sử dụng để trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm do có biến động lớn về tỷ lệ tử vong, lãi suất kỹ thuật, được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 5% phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm. Mức trích lập hàng năm là 1% từ lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp bảo hiểm.

- Theo Thông tư 99/TT-BTC ban hành 19.10.2004, hướng dẫn thực hiện Nghị định 43 của Chính phủ qui định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, qui định về các loại quỹ dự phòng cần phải trích lập tương tự như Thông tư 72 nhưng phương pháp trích lập của từng loại quỹ dự phòng có những điểm thay đổi cơ bản như sau:

Dự phòng toán học: được trích lập theo phương pháp phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh bởi hệ số Zillmer 3% số tiền bảo hiểm. Phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh dùng để tính dự phòng không được cao hơn 90% phí bảo hiểm thực tế thu được. Cơ sở để tính dự phòng toán học:

- Bảng tử vong là bảng CSO 80.

- Lãi suất kỹ thuật tối đa bằng 80% lãi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm tại thời điểm gần nhất trước thời điểm xin phê chuẩn phương pháp và cơ sở trích lập dự phòng.

Dự phòng toán học được coi là bằng 0 trong trường hợp tính theo phương pháp và cơ sở nêu trên cho ra kết quả là số âm.

Dự phòng phí chưa được hưởng: áp dụng cho các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn dưới một năm. Phương pháp trích lập là phương pháp 1/24 hoặc phương pháp trích lập dự phòng phí theo ngày.

Sau khi xem xét các qui định của cơ quan quản lý về việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ qua các thời kỳ ta thấy các qui định này ngày càng hoàn thiện. Chứng tỏ cơ quan quản lý đã ngày càng chú trọng đến quyền lợi của người tham gia bảo hiểm và đây là cách đúng đắn để bảo đảm phát triển bền vững và ổn định của ngành kinh doanh còn non trẻ này ở VN.

Bảng 1: Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ

(Đơn vị: triệu đồng)

	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004
Manulife	487.513	828.773	1.398.421
Baominh-CMG	182.884	384.057	825.293
Bảo Việt	4.757.045	6.326.871	8.448.992
AIA	210.562	292.682	409.176
Prudential	1.984.988	3.235.531	5.301.541

(Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo tài chính của các công ty BHNT)

Bảng 2: Dự phòng toán học bảo hiểm nhân thọ

(Đơn vị: triệu đồng)

	Năm 2002		Năm 2003		Năm 2004	
	Số tiền	%/Tổng DP	Số tiền	%/Tổng DP	Số tiền	%/Tổng DP
Manulife	472.887	97	812.653	98,05	1.380.816	98,74
Baominh-CMG	171.910	94	364.854	95	742.763	90

Bảo Việt	3.805.636	80	5.694.183	90	7.519.602	89
AIA	189.505	90	287.048	98,08	404.393	98,8
Prudential	1.726.939	87	2.671.143	91,82	4.372.013	82,47

(Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo tài chính của các công ty BHNT)

Tồn tại

Một số tồn tại trong qui định pháp lý về định phí và trích lập dự phòng nghiệp vụ sản phẩm bảo hiểm nhân thọ

• Theo Thông tư 45/TT-BTC ban hành 30.5.1994, qui định về chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, dự phòng toán học bao gồm phần phí tiết kiệm nhằm tích lũy lại để lập số dư tiền gửi cho người được bảo hiểm. Cách tính dự phòng phí được áp dụng theo các phương pháp toán học phù hợp với thông lệ quốc tế. Rõ ràng, qui định như trên về trích lập dự phòng toán học của bảo hiểm nhân thọ là quá đơn giản, ngoài ra không có một văn bản hướng dẫn chi tiết nào. Có thể hiểu vì thời điểm ban hành Thông tư 45 vào năm 1994, lúc bấy giờ bảo hiểm nhân thọ chưa được triển khai tại VN cho nên cơ quan quản lý chưa quan tâm đến lĩnh vực này.

• Theo Thông tư 72/TT-BTC ban hành 28.8.2001, hướng dẫn thực hiện Nghị định 43 của Chính phủ qui định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm qui định dự phòng nghiệp vụ của bảo hiểm nhân thọ bao gồm các quỹ dự phòng toán học (bao gồm dự phòng phí thuần và dự phòng phí toàn phần), dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng bồi thường, dự phòng chia lãi và dự phòng bảo đảm cân đối. Qui định về trích lập dự phòng nghiệp vụ của Thông tư 72 có cụ thể hơn so với Thông tư 45, đó là đưa ra các loại quỹ dự phòng cần phải có của bảo hiểm nhân thọ và có đề cập đến phương pháp trích lập cho từng loại. Sở dĩ qui định ở Thông tư này cụ thể hơn trước đây vì tại thời điểm ban hành Thông tư thì bảo hiểm nhân thọ đã được bắt đầu triển khai ở VN vào tháng 8.1996 vì thế cơ quan quản lý đã chú trọng hơn đến việc trích lập dự phòng nghiệp vụ của các công ty bảo hiểm nhân thọ nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định của loại hình bảo hiểm mới mẻ này. Tuy nhiên qui định về trích lập dự phòng nghiệp vụ của Thông tư này có một thiếu sót trầm trọng đó là cơ sở để trích lập dự phòng nghiệp vụ hoàn toàn không được cơ quan quản lý đề cập đến. Cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ ở đây chính là lãi suất kỹ thuật và bảng tử vong. Lãi suất kỹ thuật chính là lãi suất dùng tính phí và dự phòng cho các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, nếu lãi suất kỹ thuật sử dụng cao thì phí sản phẩm bảo hiểm nhân thọ thấp và ngược lại. Bảng tử vong là bảng cho biết các công ty bảo hiểm nhân thọ dự báo số người sống và số người tử vong ở một độ tuổi nào đó. Bảng tử vong này thường được tính toán trên cơ sở số liệu thống kê dân số của một quốc gia trong một thời kỳ nhất định. Bảng tử vong có ảnh hưởng trực tiếp đến phí sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, nếu các dự báo về xác suất sống hay tử vong trong bảng tử vong không chính xác sẽ ảnh hưởng rất lớn đến khả năng thanh toán của các công ty bảo hiểm nhân thọ. Đánh rằng các công ty bảo hiểm nhân thọ rất thận trọng trong việc thiết kế sản phẩm để đưa ra thị trường những sản phẩm phù hợp với người tiêu dùng nhưng không loại trừ các công ty cạnh tranh nhau bằng cách đưa ra những sản phẩm có phí thấp để thu hút khách hàng và như vậy các công ty này sẽ sử dụng lãi suất kỹ thuật cao cũng như bảng tử vong không an toàn nếu như không có sự khống chế của cơ quan quản lý về

vấn đề này. Nhìn ra các nước có thị trường bảo hiểm nhân thọ phát triển, Luật kinh doanh bảo hiểm của các nước này đưa ra những khống chế về lãi suất kỹ thuật và bảng tử vong. Điển hình như ở Pháp, lãi suất kỹ thuật của các công ty bảo hiểm nhân thọ tối đa là 75% lãi suất huy động của ngân hàng nhà nước và không được vượt quá 4,5%.

• Theo Thông tư 99/TT-BTC ban hành 19.10.2004, hướng dẫn thực hiện Nghị định 43 của Chính phủ qui định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, qui định trích lập dự phòng nghiệp vụ đã có sự tiến bộ rõ rệt đó là Thông tư đã đưa ra được cơ sở trích lập dự phòng mà Thông tư 72 trước đây không đề cập đến. Thông tư 99 đề cập một cách rõ ràng các công ty bảo hiểm nhân thọ ở VN phải sử dụng các cơ sở sau đây để tính dự phòng toán học:

- Bảng tử vong là bảng CSO 80.

- Lãi suất kỹ thuật tối đa bằng 80% lãi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm tại thời điểm gần nhất trước thời điểm xin phê chuẩn phương pháp và cơ sở trích lập dự phòng.

- Dự phòng toán học được coi là bằng 0 trong trường hợp tính theo phương pháp và cơ sở nêu trên cho ra kết quả là số âm

Qui định trích lập dự phòng nghiệp vụ theo Thông tư 99 hoàn thiện hơn nhiều so với thông tư 72 và 45 trước đây. Tuy nhiên qui định này còn một số vấn đề cần xem xét thêm

Thứ nhất, qui định lãi suất kỹ thuật tối đa là 80% lãi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm tại thời điểm gần nhất trước thời điểm xin phê chuẩn phương pháp và cơ sở trích lập dự phòng cho tất cả các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ là không phù hợp. Bởi vì, các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ có các kỳ hạn khác nhau 5 năm, 8 năm, 10 năm, 15 năm, 20 năm hoặc nhiều hơn. Về nguyên tắc khi thời hạn đầu tư càng dài, mức gánh chịu rủi ro của nhà đầu tư càng cao thì lãi suất cần phải tăng lên để bù đắp cho phần rủi ro mà nhà đầu tư phải gánh chịu.

Thứ hai, bảng tử vong sử dụng để tính phí và dự phòng là bảng CSO 80. Đây là bảng tử vong được các cơ quan quản lý bảo hiểm ở các nước sử dụng rộng rãi để giám sát việc trích lập dự phòng của công ty bảo hiểm nhân thọ. Trong thực tế các công ty bảo hiểm không sử dụng bảng tỷ lệ tử vong này để tính phí vì bảng CSO 80 có tỷ lệ tử vong cao hơn thực tế, do đó các công ty bảo hiểm ở các nước thường sử dụng các bảng tỷ lệ tử vong khác, phản ánh tỷ lệ chết chính xác hơn. Ở VN, trong thời gian qua, chỉ riêng Bảo Việt sử dụng bảng tỷ lệ tử vong trên cơ sở số liệu thống kê của dân số VN, còn các công ty bảo hiểm nước ngoài hoạt động tại VN lại sử dụng bảng tử vong trên cơ sở số liệu thống kê dân số của nước ngoài. Như ta đã biết, điều kiện kinh tế xã hội, vị thế địa lý của mỗi quốc gia có tác động đến tuổi thọ người dân của nước đó, vì vậy việc áp dụng bảng tỷ lệ tử vong của nước này cho một nước khác là không phù hợp, ảnh hưởng đến quyền lợi của những người tham gia bảo hiểm cũng như của chính các công ty bảo hiểm đó. Hơn nữa bảng tỷ lệ tử vong mà hiện nay Bảo Việt đang áp dụng là trên cơ sở số liệu thống kê toàn diện dân số của VN vào năm 1989, ở thời điểm này và trước đó, nền kinh tế VN chưa có những thành tựu đáng kể về mặt kinh tế, đời sống người dân còn khó khăn, điều này ảnh hưởng rất nhiều đến tuổi thọ con người. Trong giai đoạn hiện nay, nền kinh tế VN đã có những bước phát triển vượt bậc, đời sống người dân từng bước được nâng cao tất cả điều này đã ảnh hưởng đến tuổi thọ của người dân. Vì vậy, qui định trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo

hiểm nhân thọ sử dụng bảng tử vong CSO 80 cần phải nghiên cứu một cách cụ thể hơn, tránh việc qui định của cơ quan quản lý chỉ mang tính hình thức vì qui định này không áp dụng được trong thực tiễn.

Hướng hoàn thiện qui định pháp lý về trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ

Về lãi suất kỹ thuật, theo qui định hiện hành lãi suất kỹ thuật tối đa là 80% lãi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm tại thời điểm gần nhất trước thời điểm xin phê chuẩn phương pháp và cơ sở trích lập dự phòng cho tất cả các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ là không phù hợp như đã phân tích. Vì vậy, Bộ tài chính cần xem xét đưa ra nhiều mức giới hạn hơn về lãi suất kỹ thuật tương ứng với từng thời hạn của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ. Ví dụ: hợp đồng BHNT có thời hạn từ 5 đến 10 năm, lãi suất kỹ thuật tối đa là 70% lãi suất trái phiếu chính phủ có thời hạn 10 năm; hợp đồng BHNT có thời hạn trên 10 năm đến 15 năm thì lãi suất kỹ thuật tối đa là 85% lãi suất trái phiếu chính phủ có thời hạn 10 năm... Có như vậy mới phân biệt được quyền lợi của chủ hợp đồng khi tham gia các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với nhiều thời hạn khác nhau, khi chủ hợp đồng tham gia với thời hạn càng dài thì càng có lợi.

Về bảng tỷ lệ tử vong: cơ quan quản lý cần nghiên cứu và đưa ra bảng tỷ lệ tử vong chuẩn dựa trên cơ sở thống kê của dân số VN. Trên cơ sở bảng tỷ lệ tử vong này, các công ty bảo hiểm nhân thọ sẽ điều chỉnh theo kinh nghiệm của từng công ty mình.

Về dự phòng chia lãi: các công ty bảo hiểm khi tính phí đã chọn mức lãi suất kỹ thuật rất thấp để đảm bảo nguyên tắc thận trọng và nếu lãi suất đầu tư thực tế lớn hơn lãi suất kỹ thuật thì khoản chênh lệch này hình thành nên lợi nhuận của các công ty bảo hiểm nhân thọ được gọi là lãi tài chính. Các công ty bảo hiểm phải chia lại một phần lãi này cho chủ hợp đồng. Ở các nước có ngành bảo hiểm phát triển, cụ thể, ở Pháp được trong Luật kinh doanh bảo hiểm có qui định rõ tỷ lệ chia lãi tối thiểu là 85% lãi tài chính cho chủ hợp đồng. Trong khi đó ở VN hiện nay, trên các văn bản pháp lý của nhà nước chưa qui định về mức chia về lãi tài chính cho chủ hợp đồng. Điều này đã ảnh hưởng tới quyền lợi của chủ hợp đồng. Vì vậy, để bảo vệ quyền lợi cho người mua bảo hiểm thì cơ quan quản lý cần đưa ra mức khống chế tỷ lệ chia tối thiểu về lãi tài chính cho chủ hợp đồng. Và con số cụ thể cần được thông báo đến khách hàng vào ngày kỷ niệm hợp đồng. Hiện nay, ở hầu hết các công ty bảo hiểm nhân thọ, đến ngày kỷ niệm hợp đồng, khách hàng được nhận một thông báo lãi chia tích lũy cho đến thời điểm đó, nhưng chưa được biết con số chính xác được chia và với tỷ lệ bao nhiêu. Vì vậy cơ quan quản lý cần qui định trên thông báo kỷ niệm hợp đồng cần nêu rõ những nội dung sau:

+ Lãi suất kỹ thuật

+ Lãi suất đầu tư thực tế

+ Lãi tài chính (chênh lệch giữa lãi suất đầu tư tài chính với lãi suất kỹ thuật)

+ Tỷ lệ chia lãi tài chính

Có như vậy thì người được bảo hiểm mới hiểu được quyền lợi của mình như thế nào, đã thoả đáng chưa. Từ đó, có sự so sánh giữa các công ty BHNT và đây cũng chính là một trong những phương thức cạnh tranh mới trong thời điểm thị trường bảo hiểm nhân thọ ở VN hiện nay ■